TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-3-2022
V/v kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy
2. Ông Trần Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01/4/2021, về việc: "Kiện ly hôn" giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H – sinh năm: 1991

HKTT: Thôn 9B, xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Làng PT, xã QP, huyện QX, tỉnh Thanh Hóa, có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Vũ Tiến L – sinh năm: 1984

HKTT: Thôn 9B, xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 38 Ansan-dong-gil, Paltan-myeon, Hwaseong-si, Gyeonggi-do (Hazeori 743-4), Korea, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Vũ Tiến L tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn bà H ở cùng bố mẹ chồng tại thôn 9B, xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk còn ông L đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Bà H trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L ở xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không

thống nhất được mọi chuyện trong gia đình. Sau nhiều lần cãi vã và nhiều năm không thể hàn gắn bà H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2/2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho bà H được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà H ông L không có con chung nên khôgn yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày ông Vũ Tiến L trình bày như sau:

Ông Vũ Tiến L và bà Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông L bà H đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay ông L đã đi xuất khẩu lao động sang Hàn Quốc và ông bà đã sống ly thân một thời gian. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được bà H làm đơn yêu cầu xin ly hôn ông L đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Về con chung: Ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hai vợ chồng ông L bà H đã sống ly thân một thời gian, hai vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà H. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên ông bà không yêu cầu xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Vũ Tiến L, hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Vũ Tiến L đã làm đơn trình bày nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đơn xin xét xử vắng mặt có xác nhận của đại sứ quán việt Nam tại Hàn Quốc và gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk theo đường bưu chính. Do đó các giấy tờ là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Tiến L đã có đơn xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ hòa giải và phiên tòa xét xử nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Vũ Tiến L.

[3] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị H, ông Vũ Tiến L tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CB, thị xã BH, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông L ở xa nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, dẫn đến bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được mọi chuyện trong gia đình. Sau nhiều lần cãi vã và nhiều năm không thể hàn gắn bà H đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 2/2020 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Tại đơn trình bày ông L cũng thừa nhận do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên vợ chồng ông bà hay xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Ông L cũng xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý với đơn khởi kiện của bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông L và bà H đã ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì tình trạng

hôn nhân của bà H ông L như hiện tại cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai người. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vũ Tiến L.

Về con chung: Ông L và bà H không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 400.000đồng lệ phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền 400.000 đồng tạm ứng lệ phí bà Lại Thị Minh P nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 00006788 và biên lai thu số 0006789, ngày 17/5/2021.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000đồng chi phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác bà Lại Thị Minh P nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 00006787, ngày 17/5/2021.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000đồng chi phí dịch thuật văn bản, được khấu trừ vào số tiền 15.000.000đồng tạm ứng chi phí ủy thác bà H đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tạm giữ số tiền 10.000.000đồng còn lại để thực hiện ủy thác tống đạt bản án cho ông Vũ Tiến L. Bà Nguyễn Thị H sẽ được nhận lại số tiền còn sư sau khi thực hiện xong công việc trên.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2020/0000302, ngày 24/3/2021.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H;

Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Vũ Tiến L.

[2]. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 400.000đồng lệ phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền 400.000 đồng tạm ứng lệ phí bà Lại Thị Minh P nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 00006788, biên lai thu số 0006789, ngày 17/5/2021.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.000.000đồng chi phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng chi phí ủy thác bà Lại Thị Minh P nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 00006787, ngày 17/5/2021.

Bà Nguyễn Thị H phải chịu 5.000.000đồng chi phí dịch thuật văn bản, được khấu trừ vào số tiền 15.000.000đồng tạm ứng chi phí ủy thác bà H đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tạm giữ số tiền 10.000.000đồng còn lại để thực hiện ủy thác, tống đạt bản án cho ông Vũ Tiến L. Bà Nguyễn Thị H sẽ được nhận lại số tiền còn dư sau khi thực hiện xong công việc trên.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí về việc ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2020/0000302, ngày 24/3/2021.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đăk Lăk;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Duy Thuấn